

Số: 3974 /SNN-KHTC
V/v báo cáo nội dung trả lời
chất vấn tại Kỳ họp thứ 27
Hội đồng nhân dân tỉnh

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;

tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Công văn số 3912/UBND-KT ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân công trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 27 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tại kỳ họp lần thứ 27 Hội đồng nhân dân tỉnh, Ngành Nông nghiệp nhận trên 20 lượt ý kiến của bà con cử tri, Tổ đại biểu quan tâm đặt vấn đề có liên quan đến tình hình xâm nhập mặn, nước sinh hoạt nông thôn, hạ tầng thủy lợi, quản lý giống cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh, bình ổn giá cả các mặt hàng vật tư nông nghiệp, liên kết tiêu thụ nông sản, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên nông sản; chính sách hỗ trợ cho người dân trong việc di dời các hộ chăn nuôi, hỗ trợ tiêu hủy dịch bệnh;....

Phần trả lời chi tiết các nội dung liên quan của cử tri, tổ đại biểu gửi đến Kỳ họp thứ 27 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trả lời chi tiết, cụ thể tại Công văn số 3924/SNN-KHTC ngày 28/11/2024.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo một số nội dung theo phân công trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 27 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhóm vấn đề thứ 2, cụ thể như sau:

Nội dung 1: Thực trạng triển khai thực hiện các chính sách đặc thù về phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian qua và giải pháp đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

Trả lời:

Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019) với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ di dời và cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở chế biến nông sản. Qua đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp các sở, ngành, địa phương tổ chức Hội nghị triển khai chính sách, tham mưu UBND tỉnh ban hành các Quyết định, Kế hoạch để triển

khai thực hiện. Ngoài ra, các nội dung về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thông qua tại các buổi họp mặt với doanh nghiệp và đối thoại với doanh nghiệp.

Về giao vốn đầu tư phát triển hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp, giai đoạn 2020-2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn theo Nghị định số 57/2019/NĐ-CP là 17 tỷ 390 triệu đồng. Tuy nhiên, đến nay, chưa có doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư, nên chưa hỗ trợ theo quy định.

Từ khi triển khai Nghị quyết đến nay, việc thực hiện chính sách gặp một số khó khăn:

- Một số doanh nghiệp, đối tác tìm hiểu và đề xuất thực hiện dự án, tuy nhiên đa số doanh nghiệp phản ánh vẫn khó tiếp cận các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa do năng lực vốn thấp, ít kinh nghiệm trong việc xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, chưa đủ điều kiện năng lực thế chấp và tín chấp đối với khoản vốn xin vay.

- Một số dự án phải gia hạn cấp phép đầu tư nhiều lần (dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung).

- Khả năng tiếp cận thị trường trong và ngoài nước của doanh nghiệp nông nghiệp còn yếu do còn thiếu thông tin thị trường và các quy định của thương mại quốc tế... Một số cơ chế chính sách khi đưa vào thực tiễn gặp vướng mắc về thủ tục, đất đai.

- Đối tượng được hỗ trợ theo chính sách áp dụng đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn địa bàn vùng nông thôn, nên nếu doanh nghiệp muốn đầu tư tại thị xã, thành phố thì không nằm trong đối tượng được hưởng ưu đãi nên rất khó kêu gọi đầu tư trên địa bàn thị xã, thành phố.

Trong thời gian tới, để doanh nghiệp tiếp cận được chính sách, Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan nghiên cứu, xem xét việc đơn giản hóa thủ tục vay vốn, xác lập quyền tài sản trên đất (nhà xưởng, hệ thống tưới tiêu...) để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các cơ sở vay vốn đầu tư; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các yêu cầu, điều kiện theo ngành nghề đầu tư kinh doanh, cải thiện hạ tầng kỹ thuật (đường, cầu, cống, điện, viễn thông...) nhằm mời gọi đầu tư tốt hơn; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận có thời hạn lâu dài với đất đai; tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện dự án.

Ngoài chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các Quyết định, Kế hoạch để triển khai thực hiện; có 02 doanh nghiệp đăng ký tham định dự án liên kết theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND (Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển nông nghiệp công nghệ cao HAICORP và Công ty

cổ phần phát triển nông nghiệp Minh Phú), nhưng dự án chưa được duyệt vì kết quả thẩm định chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đặt ra nên chưa được hỗ trợ theo quy định.

Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cũng gặp một số khó khăn:

- Do đặc điểm tỉnh Sóc Trăng số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ít, chủ yếu là từ ngoài tỉnh nên số lượng doanh nghiệp tham gia bao tiêu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn còn ít; thời gian hợp đồng liên kết ngắn (đa số chỉ có một vụ); tình trạng không thực hiện theo hợp đồng đã ký kết vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi.

- Phần lớn doanh nghiệp hiện nay thiếu nguồn nhân lực để thu mua sản phẩm trực tiếp, nên phần lớn sản phẩm thu mua thông qua bộ phận thương lái ở địa phương là chính, từ đó việc tiêu thụ sản phẩm theo hợp đồng liên kết cũng rất khó triển khai thực hiện.

- Điều kiện cơ sở hạ tầng một số địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng tiêu chí sản xuất lớn, tập trung (giao thông, thủy lợi,...) để vận chuyển hàng hóa, đưa phương tiện máy móc phục vụ cho sản xuất. Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chỉ đáp ứng cho một số khâu như làm đất, thu hoạch, vận chuyển nên giá thành sản phẩm cao, sức cạnh tranh thấp. Giá bán thường xuyên biến động, không ổn định gây tổn thất cho người sản xuất.

- Các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay phần lớn do năng lực và nguồn lực còn yếu, nên còn hạn chế trong việc tiếp cận liên kết với doanh nghiệp cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, nên chưa thật sự là cầu nối chính trong liên kết giữa người dân với doanh nghiệp nhằm nâng cao giá trị trong chuỗi giá trị nông sản.

- Mặc dù nhiều hoạt động thúc đẩy liên kết và xúc tiến thương mại đã được thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, chỉ mang tính tạm thời chưa bền vững, nguyên nhân chủ yếu là do HTX và Doanh nghiệp chưa tìm được tiếng nói chung trong chia sẻ rủi ro và lợi nhuận. Bên cạnh đó nhiều sản phẩm được chứng nhận VietGAP hay chuỗi sản phẩm vẫn bán với giá thị trường nên người dân chưa an tâm sản xuất.

- Một số cơ chế, chính sách khuyến khích liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ hiện nay khó tiếp cận nên chưa tạo sự thu hút được các đối tác tham gia liên kết đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (cụ thể Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ còn nhiều vướng mắc khi triển khai thực hiện nhất là cơ chế tài chính để hỗ trợ chưa thật sự khuyến khích đối tượng tham gia vì chủ yếu là hỗ trợ sau đầu tư và thủ tục tiếp cận cũng gặp không ít khó khăn).

Trong thời gian tới, để tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ thực hiện một số giải pháp sau:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình dự án để thực hiện tốt các quan điểm, các mục tiêu phát triển kinh tế

tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp hằng năm và cả giai đoạn nhằm hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, kết nối tham gia trên thị trường, bảo vệ sinh kế và thu nhập góp phần phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ động phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương đẩy mạnh truyền thông; trong đó tập trung tuyên truyền về chủ trương, chính sách và các chương trình, đề án phát triển hợp tác xã nông nghiệp của trung ương, của tỉnh; tuyên truyền tổ chức nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tập trung củng cố, nâng chất các HTX nông nghiệp hiện có theo hướng mở rộng địa bàn và tăng số lượng thành viên trên cơ sở đó hỗ trợ cho các HTX từng bước tự đổi mới và phát triển lớn mạnh để có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của nền kinh tế thị trường và thích ứng với cuộc cách mạng 4.0 hiện nay; gắn với đó là tăng cường công tác tuyên truyền vận động thành lập, phát triển các HTX mới từ các tổ hợp tác, nhóm nông dân hoạt động tốt, có đủ năng lực quản lý điều hành hiệu quả.

- Phối hợp với các Viện, Trường đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực nhất là đào tạo nghề Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã nông nghiệp cho các chức danh: Giám đốc, Chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã. Hỗ trợ đào tạo lãnh đạo hợp tác xã tiếp cận tri thức mới về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn; tiếp cận kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường, kỹ năng truyền thông, kỹ năng bán hàng, kỹ năng tiếp cận công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Phát triển kinh tế tập thể bền vững mà nòng cốt là HTX trên các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với quy hoạch phát triển và cơ cấu kinh tế của từng địa phương với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng, trong đó quan tâm thúc đẩy sự liên kết giữa các hợp tác xã trong cùng lĩnh vực, cùng địa phương, từng bước mở rộng liên kết bên ngoài gắn với phát triển mô hình hợp tác xã với sự tham gia của doanh nghiệp; chú trọng ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ, thông tin.

- Quan tâm phát triển HTX trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các chính sách hỗ trợ hợp tác xã như Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 3894/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Bên cạnh đó, từ năm 2022 đến nay, có 06 Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua liên quan đến các Đề án, Dự án hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp; trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các Đề án, Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thành lập Ban Quản lý để triển khai thực hiện. Đến nay, các đơn vị đang triển khai các Đề án, Dự án, cụ thể như sau: Dự án Phát triển chăn nuôi bò; Đề

án Phát triển nông nghiệp hữu cơ; Đề án phát triển nuôi tôm nước lợ; Dự án Phát triển sản xuất lúa đặc sản; Dự án Phát triển cây ăn trái đặc sản ... các Đề án, Dự án hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống người dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Nhận thức của người dân được nâng cao khi tham gia thụ hưởng các chính sách, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng ngày càng nhiều, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất chất lượng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp của địa phương.

Nội dung 2. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới

Trả lời:

Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và PTNT huy động, lồng ghép nhiều nguồn lực để triển khai đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, đồng thời chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và VSMTNT thực hiện, hiện Trung tâm đang quản lý, vận hành tổng cộng 141 công trình cấp nước tập trung nông thôn, với tổng công suất được cấp phép là 115.008m³/ngày đêm, tổng chiều dài tuyến ống cấp nước đang quản lý hơn 3.579 km, phục vụ cấp nước cho trên 147.618 hộ dân nông thôn trên địa bàn các huyện, thị xã, với lưu lượng nước cấp bình quân đạt khoảng 100 lít/người/ngày. Đến nay, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn quốc gia từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 64%.

Hệ thống các công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh được đầu tư, đang vận hành cấp nước cho người dân qua nhiều năm, đến nay đều đang hoạt động quá tải, do nhu cầu mở rộng mạng lưới cấp nước liên tục theo nhu cầu của người dân và kiến nghị của cử tri. Bên cạnh đó, trong năm qua Trung tâm phải triển khai thực hiện nhiều công trình di dời tuyến ống cấp nước với tổng chiều dài hơn 100 km do các công trình nâng cấp mở rộng lộ. Trong quá trình thực hiện các công trình di dời làm gián đoạn cấp nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp cho người dân. Bên cạnh đó, Ngành Điện cũng thực hiện cắt điện theo kế hoạch để triển khai di dời trụ điện phục vụ công tác nâng cấp, mở rộng cầu, đường cũng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động cấp nước. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác cấp nước sạch nông thôn trong thời gian tới, thực hiện tốt công tác giám sát, cải thiện chất lượng nước, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Trung tâm Nước sạch và VSMTNT triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

- Giải pháp công trình: Thực hiện “Đề án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến năm 2045”. Đề án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 24/8/2023.

Trong đó, mục tiêu đến năm 2025: 68% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày. Mục tiêu đến năm 2030: 80% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung với số lượng tối thiểu 80 lít/người/ngày. Tổng Quy mô thực hiện Đề án là Xây dựng mới 14 công trình cấp

nước tập trung và mở rộng 1.859.428 mét đường ống cấp nước, phục vụ cấp nước sạch cho thêm 54.970 hộ dân. Thời gian tới tiếp tục thực hiện:

+ **Giai đoạn 2024-2025:** Thực hiện xây mới 08 công trình cấp nước tập trung (xã An Thạnh Tây, An Thạnh Nam, Vĩnh Tân, Lạc Hòa, Tân Hưng, Hồ Đắc Kiện, Hòa Tú 1, Ngọc Đông, Vĩnh Thành) và mở rộng đường ống cấp nước với tổng chiều dài 547,2 km, phục vụ cấp nước sạch cho khoảng 22.000 hộ dân.

Trong đó đang triển khai thi công các công trình cấp nước tập trung thuộc Dự án thành phần số 02 thuộc Dự án Công trình trữ nước và hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý (Quyết định số 1962/QĐ-BNN-TL ngày 19/5/2023). Dự án thực hiện đầu tư xây dựng mới 04 công trình cấp nước tập trung trên địa bàn các xã An Thạnh Nam, An Thạnh Tây thuộc huyện Cù Lao Dung; xã Vĩnh Tân, Lạc Hòa thuộc thị xã Vĩnh Châu và thực hiện 02 công trình mở rộng đường ống cấp nước trên địa bàn các xã Đại Tâm - Thạnh Phú - Thạnh Quới thuộc huyện Mỹ Xuyên, xã Đại Ân 1 huyện Cù Lao Dung, với tổng chiều dài tuyến ống là 210.860 mét, phục vụ cấp nước cho cho 14.869 hộ dân. Hiện nay, dự án đang tổ chức triển khai thi công thi, dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

+ **Giai đoạn 2026-2030:** Thực hiện xây mới 02 công trình cấp nước tập trung (xã Gia Hòa 1 – Gia Hòa 2, An Thạnh Đông) và mở rộng 1.153.071 mét đường ống cấp nước, phục vụ cấp nước sạch cho thêm 32.489 hộ dân. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2026-2030 là 299.472 triệu đồng (gồm có: Vốn ngân sách tỉnh: 99.635 triệu đồng; Vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Nước sạch và VSMTNT: 104.778 triệu đồng; Vốn huy động XHH và các nguồn hợp pháp khác: 95.059 triệu đồng).

Khi các công trình thuộc Đề án được triển hoàn thành sẽ góp phần nâng cao năng lực cấp nước cho toàn bộ hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo chất lượng nguồn nước cấp cho người dân trong thời gian tới.

- Giải pháp phi công trình, các giải pháp kiểm soát, nâng cao, cải thiện chất lượng nước:

+ Tiếp tục duy trì định kỳ thực hiện bảo dưỡng, súc rửa toàn bộ tuyến ống mạng cấp nước với tổng chiều dài 3.579km tại các Trạm cấp nước trên địa bàn các huyện, thị xã, đồng thời có văn bản gửi các cơ quan chuyên môn, địa phương và có thông báo qua mạng xã hội để thông tin đến người dân được biết và có kế hoạch tích trữ nước sử dụng trong thời gian súc rửa tuyến ống.

+ Thực hiện súc rửa, cải tạo các giếng khoan đã khai thác, sử dụng lâu ngày để đảm bảo lưu lượng cũng như chất lượng nước.

+ Hàng năm, có kế hoạch thực hiện nâng cấp, cải tạo hệ thống lọc cho một số trạm cấp nước theo công nghệ mới.

+ Giám sát hoạt động súc rửa hệ thống lọc tại các Trạm, hệ cấp nước qua camera tại Văn phòng Giám sát - Điều hành (IOC) của Đơn vị.

+ Tăng cường hoạt động của **Tổ kiểm tra cấp nước an toàn** của Đơn vị để kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình hoạt động tại các trạm cấp nước. Trong đó, chú trọng việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sinh hoạt. Cụ thể:

Về công tác nội kiểm: duy trì thực hiện lấy mẫu, lưu mẫu nước hàng ngày tại trạm. Định kỳ hàng tuần thực hiện xét nghiệm nhanh tại các trạm cấp nước. Khi xét nghiệm mẫu nước phát hiện có chỉ tiêu chưa đạt, kịp thời xác định nguyên nhân và khắc phục để đảm bảo chất lượng nước cấp. Định kỳ hàng tháng sẽ tiến hành lấy mẫu nước cấp ngoài cộng đồng, thực hiện xét nghiệm các chỉ tiêu thuộc Nhóm A (theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế Ban hành) tại Phòng xét nghiệm của Đơn vị.

Về công tác ngoại kiểm: định kỳ hàng năm phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tiến hành thực hiện ngoại kiểm chất lượng nước, đồng thời thực hiện xét nghiệm các chỉ tiêu theo Nhóm B (theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế Ban hành).

+ Tiếp tục phối hợp với Ngành Giao thông, đơn vị thi công và các địa phương thực hiện tốt các công trình di dời đường ống cấp nước, hạn chế ảnh hưởng gián đoạn cấp nước và ảnh hưởng chất lượng nước cấp cho người dân.

+ Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, vận hành các công trình cấp nước.

+ Thí điểm ứng dụng năng lượng điện gió, điện mặt trời vào vận hành các trạm cấp nước để từng bước giảm phụ thuộc vào điện lưới quốc gia, hạn chế tình trạng mất điện, cúp nước và tiết kiệm chi phí vận hành.

Trên đây là một số vấn đề có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, xin báo cáo đến Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC